

Số: 41 /NQ-HĐND

TP.Sóc Trăng, ngày 13 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 –
2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu
tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý;*

*Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc các nguồn vốn ngân sách địa phương, thành
phố Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn phân cấp ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng quản lý, cụ thể như sau:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương thành phố Sóc Trăng 14.980.000.000 đồng: điều chỉnh tăng, giảm mức vốn của dự án và Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội

- Vốn thu tiền sử dụng đất 14.980.000.000 đồng: điều chỉnh tăng, giảm mức vốn của dự án và Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội

(Đính kèm Phụ lục I, Phụ lục II)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khoá XII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp; Tài chính; KH&ĐT;
- Đại biểu HĐND tỉnh, đơn vị TPST;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;
- (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
- TT.HĐND và UBND 10 phường;
- Công TTĐT UBND TPST;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kiều Linh

Phụ lục I

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
TỪ NGUỒN VỐN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)*

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được giao tại Nghị quyết số 23/NQ- HĐND ngày 12/7/2023 và Nghị quyết số 38/NQ- HĐND ngày 14/11/2023	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh
			Tăng (+)	Giảm (-)	
1	Nguồn vốn phân cấp ngân sách thành phố	650,537.000	29,960.000	-29,960.000	650,537.000
	Cân đối	183,137.000	14,980.000	-14,980.000	183,137.000
	Sử dụng đất	467,400.000	14,980.000	-14,980.000	467,400.000